

**BỘ CÔNG AN - BỘ QUỐC PHÒNG - BỘ Y TẾ -
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO -
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO**

**BỘ CÔNG AN - BỘ QUỐC PHÒNG - CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ Y TẾ - TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO - Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO**

Số: 05/2013/TTLT-BCA-BQP-
BYT-TANDTC-VKSNDTC

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2013

**THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn tổ chức thi hành án
tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc**

Để thi hành đúng và thống nhất các quy định của pháp luật về thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Y tế, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn tổ chức thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này hướng dẫn về nguyên tắc thi hành án tử hình, ra quyết định thi hành án tử hình, thành lập Hội đồng thi hành án tử hình, tổ chức thực hiện việc thi hành án tử hình, hoãn thi hành án tử hình, hồ sơ thi hành án tử hình, việc cho nhận, mai táng tử thi đã bị thi hành án tử hình và trách nhiệm của các cơ quan: Công an, Quân đội, Y tế, Tòa án và Viện kiểm sát trong việc tổ chức thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này áp dụng đối với các cơ quan: Công an, Quân đội, Y tế, Tòa án, Viện kiểm sát trong tổ chức thực hiện việc thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện thi hành án tử hình.

Điều 3. Nguyên tắc thi hành án tử hình

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về thi hành án hình sự; bảo đảm yêu cầu chính trị, pháp luật, đối ngoại và chính sách nhân đạo của Nhà nước trong thi hành án tử hình.

2. Bảo đảm nhanh chóng, kịp thời; bảo đảm an toàn, chặt chẽ, đúng pháp luật.

3. Bảo đảm sự chỉ đạo, chỉ huy tập trung, thống nhất của Hội đồng thi hành án tử hình; thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị đã được pháp luật quy định.

4. Việc thi hành án tử hình phải được thực hiện tại địa điểm thi hành án tử hình theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Kinh phí thi hành án tử hình

1. Kinh phí mua thuốc tiêm phục vụ cho thi hành án tử hình và bảo đảm cho thi hành án tử hình do ngân sách Nhà nước cấp trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Công an cấp tỉnh), Cơ quan thi hành án hình sự quân khu và tương đương (gọi chung là Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Công an cấp tỉnh, Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có trách nhiệm chi trả bồi dưỡng cho những người tham gia thi hành án tử hình theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 82/2011/NĐ-CP ngày 16/9/2011 của Chính phủ quy định về thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc và chi phí mai táng, chi phí khác phục vụ thi hành án tử hình.

Chương II

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VIỆC THI HÀNH ÁN TỬ HÌNH

Điều 5. Ra quyết định thi hành án tử hình

Sau khi kiểm tra hồ sơ của người bị kết án tử hình, xác định người bị kết án không thuộc trường hợp không áp dụng hình phạt tử hình quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và không thuộc trường hợp đang bị điều tra, truy tố, xét xử về một tội phạm khác thì Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm phải ra quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 54 Luật Thi hành án hình sự.

Trường hợp trong một vụ án có nhiều người bị kết án tử hình thì Chánh án Tòa án có thẩm quyền phải ra quyết định thi hành án đối với từng người bị kết án tử hình trong vụ án đó.

Trường hợp một người bị kết án tử hình nhiều lần do nhiều Tòa án khác nhau tuyên án thì Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm lần cuối cùng đã tuyên án tử hình có trách nhiệm ra quyết định thi hành án tử hình đối với người bị kết án tử hình đó.

Điều 6. Thành phần Hội đồng thi hành án tử hình

1. Sau khi nhận được văn bản yêu cầu cử đại diện tham gia Hội đồng thi hành án tử hình quy định tại Điều 55 Luật Thi hành án hình sự, Viện kiểm sát cùng cấp,

Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh) hoặc Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có trách nhiệm cử đại diện tham gia Hội đồng thi hành án tử hình.

2. Hội đồng thi hành án tử hình gồm:

a) Chánh án hoặc Phó Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án làm Chủ tịch Hội đồng;

b) Đại diện Viện kiểm sát tham gia Hội đồng thi hành án tử hình là Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp;

c) Đại diện Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh hoặc đại diện Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu tham gia Hội đồng thi hành án tử hình là Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự.

3. Thư ký Hội đồng thi hành án tử hình là cán bộ công chức của Tòa án, do Chánh án Tòa án có thẩm quyền ra quyết định thi hành án phân công.

Điều 7. Xây dựng kế hoạch tổ chức thi hành án tử hình

1. Ngay sau khi ra quyết định thành lập Hội đồng thi hành án tử hình, Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình phân công Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh hoặc Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu xây dựng kế hoạch tổ chức thi hành án tử hình. Kế hoạch tổ chức thi hành án tử hình bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Tình hình có liên quan đến việc tổ chức thi hành án tử hình;

b) Mục đích, yêu cầu;

c) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Hội đồng thi hành án tử hình;

d) Thời gian, địa điểm tổ chức thi hành án tử hình;

đ) Dự trù kinh phí thi hành án tử hình;

e) Tổ chức thực hiện việc thi hành án tử hình.

2. Kế hoạch tổ chức thi hành án tử hình phải được gửi ngay cho các thành viên Hội đồng thi hành án tử hình.

Điều 8. Phiên họp của Hội đồng thi hành án tử hình

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định thành lập Hội đồng thi hành án tử hình, Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình phải tổ chức họp Hội đồng. Địa điểm, thời gian họp Hội đồng thi hành án tử hình do Chủ tịch Hội đồng quyết định và chủ trì cuộc họp.

2. Các thành viên Hội đồng thi hành án tử hình phải tham gia phiên họp của Hội đồng để thống nhất nội dung kế hoạch, xác định thời gian, địa điểm thi hành

án tử hình, phân công trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong thi hành án tử hình.

3. Tại phiên họp Hội đồng thi hành án tử hình quyết định kế hoạch tổ chức thi hành án tử hình.

Điều 9. Triển khai việc thi hành án tử hình

1. Căn cứ vào kế hoạch tổ chức thi hành án tử hình của Hội đồng thi hành án tử hình, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh hoặc Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có trách nhiệm lập kế hoạch triển khai việc thi hành án tử hình, phân công, bố trí lực lượng, phương tiện cần thiết để đảm bảo cho việc thi hành án tử hình.

2. Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình ra quyết định hoặc có văn bản yêu cầu Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Phòng Quân y cấp quân khu nơi Tòa án đã ra quyết định thi hành án tử hình của bệnh viện thuộc Sở Y tế hoặc bệnh viện thuộc quân khu đến địa điểm thi hành án tử hình để hỗ trợ việc xác định tĩnh mạch của người bị thi hành án tử hình trong trường hợp cần thiết.

3. Trường hợp người bị thi hành án tử hình là phụ nữ thì ngay sau khi nhận đủ hồ sơ để đưa bản án tử hình ra thi hành, Hội đồng thi hành án tử hình phải yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh hoặc Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu ra lệnh trích xuất người bị kết án tử hình đến bệnh viện thuộc Sở Y tế hoặc bệnh viện thuộc quân khu nơi đang giam giữ người bị kết án tử hình để kiểm tra, xác định xem người bị kết án tử hình có thai hay không. Việc kiểm tra phải được lập thành văn bản và có xác nhận của bệnh viện nơi tiến hành kiểm tra, xác định.

Điều 10. Hoãn thi hành án tử hình

Hội đồng thi hành án tử hình quyết định hoãn thi hành án tử hình quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 58 Luật Thi hành án hình sự trong các trường hợp sau đây:

1. Có thông tin do người bị kết án hoặc người khác khai báo hoặc do Hội đồng thi hành án tử hình biết được từ những nguồn tin khác mà xét thấy những thông tin này là có căn cứ và có thể làm thay đổi cơ bản nội dung vụ án hoặc là chứng cứ để khởi tố vụ án mới, người phạm tội mới và nếu thi hành hình phạt tử hình đối với họ thì có thể gây khó khăn lớn cho việc giải quyết vụ án, việc mở rộng điều tra vụ án.

2. Hội đồng thi hành án tử hình nhận được yêu cầu của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc hoãn thi hành án tử hình.

3. Các trường hợp khác, cụ thể là:

a) Trường hợp gặp thiên tai, hỏa hoạn hoặc có trở ngại khách quan khác không thể thực hiện được việc thi hành án tử hình hoặc trên đường áp giải người bị thi hành án tử hình bị tai nạn phải đưa đến bệnh viện;

b) Trang thiết bị, dụng cụ thi hành án tử hình bị hư hỏng; không lấy được tĩnh mạch; thuốc thi hành án tử hình không đúng chủng loại, chất lượng, số lượng hoặc các điều kiện khác bảo đảm cho việc thi hành án tử hình không đáp ứng được.

c) Đã thi hành án tử hình theo đúng quy định của pháp luật nhưng người bị thi hành án không chết.

Điều 11. Hồ sơ thi hành án tử hình

1. Hồ sơ thi hành án tử hình, gồm các tài liệu sau:

a) Trường hợp bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm và người bị thi hành án tử hình không làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình thì hồ sơ bao gồm:

- Bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật;
- Quyết định không kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Quyết định không kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Quyết định thi hành án tử hình;
- Quyết định thành lập Hội đồng thi hành án tử hình;
- Biên bản họp Hội đồng thi hành án tử hình;
- Kế hoạch thi hành án tử hình;
- Biên bản kiểm tra căn cước người bị thi hành án tử hình;
- Biên bản giám định pháp y tử thi người đã bị thi hành án tử hình;
- Một ảnh của người đã bị thi hành án tử hình (đã chết);
- Biên bản thi hành án tử hình.

b) Trường hợp bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm và người bị thi hành án tử hình có đơn xin ân giảm hình phạt tử hình thì hồ sơ đưa ra thi hành án tử hình gồm bản sao quyết định của Chủ tịch nước bác đơn xin ân giảm hình phạt tử hình và các tài liệu quy định tại điểm a khoản 1 của Điều này;

c) Trường hợp bản án sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm (bao gồm trường hợp có kháng cáo, kháng nghị về hình phạt tử hình và trường hợp có kháng cáo, kháng nghị về các quyết định khác của bản án sơ thẩm) và người bị kết án không làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình thì hồ sơ đưa ra thi hành án tử hình bao gồm:

- Bản án sơ thẩm;
- Bản án phúc thẩm;
- Quyết định không kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Quyết định không kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Quyết định thi hành án tử hình;
- Quyết định thành lập Hội đồng thi hành án tử hình;
- Biên bản họp Hội đồng thi hành án tử hình;
- Kế hoạch thi hành án tử hình;
- Biên bản kiểm tra căn cước người bị thi hành án tử hình;
- Biên bản giám định pháp y tử thi người đã bị thi hành án tử hình;
- Một ảnh của người đã bị thi hành án tử hình (đã chết);
- Biên bản thi hành án tử hình.

d) Trường hợp bản án sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm (bao gồm trường hợp có kháng cáo, kháng nghị về hình phạt tử hình và trường hợp có kháng cáo, kháng nghị về các quyết định khác của bản án sơ thẩm) và người bị thi hành án tử hình có làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình, thì hồ sơ đưa ra thi hành án tử hình gồm bản sao quyết định của Chủ tịch nước bác đơn xin ân giảm hình phạt tử hình và các tài liệu quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

đ) Trường hợp bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm nhưng có quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và người bị thi hành án tử hình không làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình thì hồ sơ bao gồm:

- Bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật;
- Quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm hoặc tái thẩm Tòa án nhân dân tối cao không chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và giữ nguyên bản án tử hình;
- Quyết định thi hành án tử hình;
- Quyết định thành lập Hội đồng thi hành án tử hình;
- Biên bản họp Hội đồng thi hành án tử hình;
- Kế hoạch thi hành án tử hình;
- Biên bản kiểm tra căn cước người bị thi hành án tử hình;
- Biên bản giám định pháp y tử thi người đã bị thi hành án tử hình;
- Một ảnh của người đã bị thi hành án tử hình (đã chết);
- Biên bản thi hành án tử hình;

- Biên bản kiểm tra, xác minh người bị thi hành án không thuộc trường hợp quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự (nếu có).

e) Trường hợp bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm nhưng có quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và người bị thi hành án tử hình có đơn xin ân giảm hình phạt tử hình thì hồ sơ đưa ra thi hành án tử hình gồm bản sao quyết định của Chủ tịch nước bác đơn xin ân giảm hình phạt tử hình và các tài liệu quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này;

g) Trường hợp bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm nhưng bản án phúc thẩm vẫn giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm; có quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và người bị thi hành án tử hình không làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình thì hồ sơ thi hành án tử hình bao gồm:

- Bản án sơ thẩm;
- Bản án phúc thẩm;
- Quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm hoặc tái thẩm Tòa án nhân dân tối cao không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án tử hình;
- Quyết định thi hành án tử hình;
- Quyết định thành lập Hội đồng thi hành án tử hình;
- Biên bản họp Hội đồng thi hành án tử hình;
- Kế hoạch thi hành án tử hình;
- Biên bản kiểm tra căn cước người bị thi hành án tử hình;
- Biên bản giám định pháp y tử thi người đã bị thi hành án tử hình;
- Một ảnh của người đã bị thi hành án tử hình (đã chết);
- Biên bản thi hành án tử hình;
- Biên bản kiểm tra, xác minh người bị thi hành án không thuộc trường hợp quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự (nếu có).

h) Trường hợp bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm nhưng bản án phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm; có quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và người bị thi hành án tử hình có đơn xin ân giảm hình phạt tử hình thì hồ sơ đưa ra thi hành án tử hình gồm bản sao quyết định của Chủ tịch nước bác đơn xin ân giảm hình phạt tử hình và các tài liệu quy định tại điểm g khoản 1 Điều này.

2. Hồ sơ thi hành án tử hình do Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh hoặc Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu quản lý và được lưu giữ, bảo quản theo chế độ hồ sơ do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quy định.

Điều 12. Biên bản thi hành án tử hình

1. Thư ký Hội đồng thi hành án tử hình có trách nhiệm lập biên bản ghi lại toàn bộ các diễn biến của việc thi hành án tử hình.

2. Biên bản thi hành án tử hình phải bảo đảm các nội dung sau đây:

Biên bản phải ghi rõ giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm thi hành án, nơi lập biên bản; những việc đã làm theo trình tự thủ tục pháp luật quy định, tình hình diễn biến trong khi thi hành án tử hình.

Biên bản phải được đọc cho Hội đồng thi hành án và những người chứng kiến nghe. Các thành viên Hội đồng thi hành án tử hình và người chứng kiến phải cùng ký vào biên bản, nếu ai có ý kiến khác hoặc không đồng ý với nội dung biên bản thì có quyền ghi vào biên bản và ký tên.

Điều 13. Trường hợp người bị thi hành án tử hình chết trước khi đưa ra thi hành án tử hình

1. Trong thời gian giam giữ chờ thi hành án (đã có Quyết định thi hành án tử hình), người bị thi hành án tử hình chết trước khi đưa ra thi hành án tử hình thì Hội đồng thi hành án phải thông báo ngay cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có thẩm quyền để xác định nguyên nhân chết. Sau khi tiến hành xong các thủ tục xác định nguyên nhân chết và được phép của cơ quan có thẩm quyền, Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình giao cho Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh hoặc Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi ra quyết định thi hành án tử hình có trách nhiệm tổ chức mai táng.

2. Trường hợp người bị thi hành án tử hình chết trên đường áp giải đến địa điểm thi hành án tử hình, Hội đồng thi hành án tử hình phải thông báo cho nơi có địa điểm thi hành án tử hình biết, đồng thời thông báo cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có thẩm quyền nơi người bị thi hành án tử hình chết để tiến hành làm các thủ tục theo quy định của pháp luật. Sau khi tiến hành xong các thủ tục xác định nguyên nhân chết và được phép của cơ quan có thẩm quyền, Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình giao cho Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh hoặc Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi ra quyết định thi hành án tử hình có trách nhiệm tổ chức mai táng.

3. Chi phí mai táng người bị thi hành án tử hình chết trước khi đưa ra thi hành án tử hình thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 82/2011/NĐ-CP ngày 16/9/2011 của Chính phủ quy định về thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN TRONG VIỆC THI HÀNH ÁN TỬ HÌNH

Điều 14. Trách nhiệm của Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh

1. Thực hiện theo quy định của Điều 11 Nghị định số 82/2011/NĐ-CP ngày 16/9/2011 của Chính phủ quy định về thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc.

2. Phối hợp với Trại tạm giam nơi giam giữ người bị thi hành án tử hình thực hiện theo quy định của Điều 13 Nghị định số 82/2011/NĐ-CP ngày 16/9/2011 của Chính phủ quy định về thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc.

3. Đề nghị Phòng Hồ sơ nghiệp vụ cử cán bộ lăn tay, đối chiếu với danh bản, chỉ bản xác định đúng người bị thi hành án tử hình trước khi thi hành án.

4. Đề nghị Phòng Kỹ thuật hình sự giám định, chụp ảnh và cử bác sỹ pháp y làm nhiệm vụ giám định theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thi hành án.

5. Đề nghị Phòng Hậu cần, kỹ thuật chuẩn bị phương tiện, kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ công tác thi hành án và thanh toán chế độ cho những người tham gia thi hành án tử hình theo quy định.

6. Chỉ đạo Công an cấp huyện nơi tổ chức thi hành án tử hình bố trí lực lượng, phương tiện phối hợp thực hiện việc thi hành án tử hình.

7. Xây dựng kế hoạch tổ chức thi hành án tử hình, tổ chức triển khai kế hoạch, phương án thi hành án tử hình theo sự phân công của Hội đồng thi hành án; phân công nhiệm vụ cho các lực lượng tham gia thi hành án tử hình.

8. Báo cáo Giám đốc Công an cấp tỉnh tăng cường lực lượng Cảnh sát Cơ động hoặc các lực lượng chức năng khác hỗ trợ công tác thi hành án tử hình trong trường hợp cần thiết.

Điều 15. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu

1. Thực hiện Điều 54 Luật Thi hành án hình sự.

2. Thông báo cho thân nhân hoặc người đại diện hợp pháp của người bị thi hành án tử hình được viết đơn xin nhận tử thi người đã bị thi hành án tử hình theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 60 Luật Thi hành án hình sự.

3. Thông báo cho Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh hoặc Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu về trường hợp thân nhân hoặc người đại diện hợp pháp của người đã bị thi hành án tử hình được nhận tử thi về mai táng.

Điều 16. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu

1. Viện trưởng, Phó Viện trưởng hoặc kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh hoặc cấp quân khu có trách nhiệm tham gia Hội đồng thi hành án tử hình.
2. Kiểm sát việc chấp hành pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu trong việc ra Quyết định thi hành án tử hình.
3. Kiểm sát việc chấp hành pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu về việc cho nhận hoặc không cho nhận tử thi của người đã bị thi hành án tử hình.
4. Kiểm sát việc chấp hành pháp luật của Hội đồng thi hành án tử hình về trình tự, thủ tục trong quá trình thi hành án, kiểm sát hoạt động thi hành án tử hình của Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Cơ quan thi hành án hình sự cấp Quân khu và cán bộ, chiến sĩ trực tiếp thi hành án tử hình theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Trách nhiệm của Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu

1. Thực hiện Điều 15 Nghị định số 82/2011/NĐ-CP ngày 16/9/2011 của Chính phủ quy định về thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc.
2. Chỉ đạo Trại tạm giam nơi giam giữ người bị thi hành án tử hình thực hiện Điều 16 Nghị định số 82/2011/NĐ-CP ngày 16/9/2011 của Chính phủ quy định về thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc.
3. Đề nghị cơ quan hồ sơ nghiệp vụ cử cán bộ lẫn tay đối chiếu với danh bản, chỉ bản xác định đúng người chấp hành án tử hình, trước khi thi hành án; chụp ảnh, ghi âm lời nói cuối cùng của người bị thi hành án tử hình gửi lại cho thân nhân, gia đình của người bị thi hành án.
4. Làm thủ tục đề nghị Viện pháp y Quân đội cử bác sỹ pháp y làm nhiệm vụ giám định theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thi hành án.
5. Đề nghị đơn vị Hậu cần - Kỹ thuật chuẩn bị phương tiện, kinh phí bảo đảm, cơ sở vật chất phục vụ công tác thi hành án và thanh toán các chế độ cho cán bộ, chiến sỹ tham gia thi hành án tử hình.
6. Phê duyệt, tổ chức triển khai kế hoạch, phương án thi hành án tử hình; phân công nhiệm vụ cho các lực lượng tham gia thi hành án tử hình.
7. Báo cáo Tư lệnh cấp quân khu, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng về tăng cường lực lượng hỗ trợ công tác thi hành án tử hình trong trường hợp cần thiết và kết quả thi hành án tử hình.

Điều 18. Trách nhiệm của cơ quan Y tế

1. Bộ Y tế có trách nhiệm chỉ đạo Cục Quản lý dược bảo đảm nguồn cung ứng thuốc để phục vụ công tác thi hành án tử hình theo quy định của Nghị định số 82/2011/NĐ-CP ngày 16/9/2011 của Chính phủ quy định về thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc và Nghị định số 47/2013/NĐ-CP ngày 13/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2011/NĐ-CP ngày 16/9/2011 của Chính phủ quy định về thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc.

2. Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục Quân y - Bộ Quốc phòng có trách nhiệm chỉ đạo các bệnh viện thực hiện quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 82/2011/NĐ-CP ngày 16/9/2011 của Chính phủ quy định về thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc.

Chương IV

THỦ TỤC CHO NHẬN TỬ THI VÀ MAI TÁNG NGƯỜI ĐÃ BỊ THI HÀNH ÁN TỬ HÌNH

Điều 19. Các trường hợp không được cho nhận tử thi người đã bị thi hành án tử hình

1. Người đã bị thi hành án tử hình phạm một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh theo quy định của Bộ luật Hình sự.

2. Người đã bị thi hành án tử hình bị bệnh truyền nhiễm theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 3 của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm.

3. Người xin nhận tử thi người đã bị thi hành án tử hình không phải là thân nhân hoặc đại diện hợp pháp của người đã bị thi hành án tử hình.

Điều 20. Việc làm đơn xin nhận tử thi

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thi hành án tử hình, Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án phải thông báo cho thân nhân hoặc người đại diện hợp pháp của người bị thi hành án tử hình biết để làm đơn xin nhận tử thi của người đã bị thi hành án tử hình.

2. Đơn xin nhận tử thi của người bị thi hành án tử hình phải được gửi cho Chánh án Tòa án đã ra thông báo quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo. Đơn xin nhận tử thi về mai táng phải bảo đảm các nội dung được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 60 Luật Thi hành án hình sự.

Điều 21. Giải quyết việc cho nhận tử thi

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn xin nhận tử thi về mai táng của thân nhân hoặc người đại diện hợp pháp của người bị thi hành án tử hình, Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án tử hình phải thông báo bằng văn bản về việc chấp nhận hay không chấp nhận cho nhận tử thi về mai táng. Nếu không chấp nhận cho nhận tử thi về mai táng thì nêu rõ lý do.

2. Trước khi thi hành án tử hình 03 ngày làm việc, Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án tử hình phải thông báo bằng văn bản cho Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh hoặc Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu biết để giải quyết việc cho nhận tử thi người đã bị thi hành án tử hình về mai táng hoặc tổ chức việc mai táng người đã bị thi hành án tử hình theo quy định của pháp luật.

3. Việc giải quyết cho nhận tử thi người đã bị thi hành án tử hình được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 60 của Luật Thi hành án hình sự.

4. Trường hợp Chánh án Tòa án đã ra quyết định thành lập Hội đồng thi hành án tử hình chấp nhận cho nhận tử thi người đã bị thi hành án tử hình, nhưng trong quá trình triển khai việc thi hành án tử hình Hội đồng thi hành án tử hình xét thấy việc cho nhận tử thi không bảo đảm an ninh, trật tự thì Hội đồng thi hành án tử hình quyết định không cho nhận tử thi người đã bị thi hành án tử hình, đồng thời giao cho Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh hoặc Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu tổ chức mai táng theo quy định của pháp luật.

5. Việc giao, nhận tử thi người đã bị thi hành án tử hình phải được lập thành văn bản và phải có chữ ký của bên giao và bên nhận. Không tổ chức việc giao nhận tử thi người đã bị thi hành án tử hình vào ban đêm (từ 22 giờ ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau).

Điều 22. Mai táng người đã bị thi hành án tử hình

1. Việc tổ chức mai táng người đã bị thi hành án tử hình phải đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường, an ninh, trật tự, không trái với phong tục, tập quán của địa phương và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu thông báo cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có địa điểm thi hành án tử hình để chỉ định nghĩa trang hoặc địa điểm nơi mai táng người đã bị thi hành án tử hình và làm thủ tục khai tử cho người đã bị thi hành án tử hình. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có địa điểm thi hành án tử hình phải gửi văn bản thông báo về địa điểm nơi mai táng người đã bị thi hành án tử hình cho Cơ quan thi hành án hình sự đã ra thông báo.

3. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày thi hành án Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh hoặc Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phải thông báo cho thân nhân hoặc người đại diện của người đã bị thi hành án biết, đồng thời bàn giao tiền, tài sản đồ vật khác có liên quan của người đã thi hành án tử hình (nếu có), việc giao nhận phải được lập biên bản theo quy định.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2013. Các văn bản quy định và hướng dẫn trước đây của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Y tế, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Thông tư liên tịch này đều bãi bỏ.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

Các cơ quan chức năng thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện Thông tư liên tịch này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, để có hướng dẫn kịp thời./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ Y TẾ
THỨ TRƯỞNG

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ QUỐC PHÒNG
THỨ TRƯỞNG

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ CÔNG AN
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Việt Tiên

Thượng tướng Nguyễn Thành Cung

Trung tướng Lê Quý Vương

KT. CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN

KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đặng Quang Phương

Nguyễn Hải Phong